

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25 -5- 2022
V/v Ly hôn; tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trà Thị Lệ
2. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về “ Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXX - ST ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST –DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị T– sinh năm 1981

Địa chỉ: tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/10/2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị T trình bày:

Chị T và anh Nguyễn Văn N có tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn và có đăng

ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh vào ngày 16 tháng 02 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn V, xã P, huyện Đ (nay là tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2018, do kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau; từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc. Từ đó anh N đi làm thợ hồ rất nhiều nơi, ít khi về nhà và cũng không quan tâm đến vợ con và chăm lo cho gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể khắc phục được. Hiện nay chị T không còn tình cảm gì với anh N nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trần Minh N1, sinh ngày 24/11/2011; Nguyễn Ngọc Minh D, sinh ngày 22/7/2013; hiện con chung đang sống với chị T, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có;

Bị đơn anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, nhưng anh N không có văn bản trình bày ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao hai con cho chị Tám chăm sóc, nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con nên đề nghị không xét.

Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên đề nghị không xét.

Về nợ chung: Không có nên đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngày 18/10/2021 chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn Năng có địa chỉ tại tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

[1.2] Bị đơn anh Nguyễn Văn N được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh vào ngày 16 tháng 02 năm 2011, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Thời gian đầu anh, chị sống hạnh phúc; sau đó giữa chị T và anh N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế gia đình gặp khó khăn dẫn đến anh chị bất đồng quan điểm sống, sống không hạnh phúc. Từ tháng 8/2018 anh, chị sống ly thân nhau, phần ai người ấy sống, không quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ rằng hôn nhân giữa chị T và anh N đang lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 việc chị T yêu cầu ly hôn với anh N là có căn cứ chấp nhận

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Trần Minh N1, sinh ngày 24/11/2011; Nguyễn Ngọc Minh D, sinh ngày 22/7/2013 hiện đang sống với chị Tám. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con và nguyện vọng của các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu N1, cháu D đều trên 7 tuổi và có nguyện vọng sống với mẹ khi ly hôn. Hiện nay 02 cháu đang được chị T nuôi dưỡng, bảo đảm về thể chất và tinh thần; chị T cũng có thu nhập ổn định đủ lo cho 02 cháu. Hội đồng xét xử nghị nên giao 02 cháu Nguyễn Trần Minh N1 và Nguyễn Ngọc Minh D cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định các Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Trần Thị T không yêu cầu anh Năng cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.5] Về nợ chung: Không có nên không xét.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Minh N1, sinh ngày 24/11/2011 và Nguyễn Ngọc Minh D, sinh ngày 22/7/2013 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh N không phải cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu số 0000800, ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND thị trấn Duyên Hải, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thanh Sang

